TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH QU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12 /2024/QĐST-DS	*B, ngày 12 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12; Khoản 7, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST-TCDS ngày 07 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **anh Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn 1 Võ Thuận, xã T, huyện B, tỉnh QU.

- Bị đơn: **anh Dương Văn M,** sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn 1 Võ Thuận, xã T, huyện B, tỉnh QU.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: chị Dương Thị Kim L, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn 1 Võ Thuận, xã T, huyện B, tỉnh QU.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Ngọc Đ và anh Dương Văn M, chị Dương Thị Kim L thống nhất diện tích xây dựng nhà mà anh Đ đã thi công cho vợ chồng anh M và chị L là 340 m^2, giá xây dựng là 850.000 đồng/m^2, tổng số tiền công xây dựng là 289.000.000 (hai trăm tám mươi chín triệu) đồng.

Các bên thống nhất thoả thuận số tiền 289.000.000 (hai trăm tám mươi chín triệu) đồng này anh Nguyễn Ngọc Đ sẽ trừ lại tiền phần diện tích trần thạch cao không tô hom cho vợ chồng anh M, chị L là 74,52 m^2 tương ứng với số tiền

3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng; trừ đi tiền công uốn đai cho vợ chồng anh M là 805.000 (tám trăm lẽ năm nghìn) đồng và số tiền anh Đ đã ứng là 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng. Số tiền công xây dựng còn lại mà vợ chồng anh M và chị L còn nợ của anh Đ là 94.494.000 (chín mươi tư triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn) đồng. Anh Đ và vợ chồng anh M và chị L thống nhất thoả thuận vợ chồng anh M phải trả 47.247.000 đồng và tiền công làm sân vườn cho anh Đ là 2.753.000 đồng, tổng số tiền vợ chồng anh M phải trả cho anh Đ là 50.000.000 đồng. Các bên đương sự đã giao nhận xong số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tại Toà án.

3. Về án phí: Anh Dương Văn M và chị Dương Thị Kim L phải chịu 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc Đ số tiền 2.475.000 (hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh Đ đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0002606 ngày 07/5/2024.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện B;
- THADS huyện B;
- TAND tỉnh QU;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương